



HAGL Group

Số: 59/2024/CV-HAGL

(Về giải trình kết quả kinh doanh
trên BCTC tổng hợp Quý I/2024)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc



Gia Lai, ngày 29 tháng 4 năm 2024

- Kính gửi:
- Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước
 - Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai ("Công ty") (mã CK: HAG) giải trình kết quả hoạt động kinh doanh trên Báo cáo tài chính tổng hợp Quý I/2024 như sau:

Trong Quý I/2024, Công ty lỗ 59 tỷ đồng nguyên nhân chủ yếu là do chi phí lãi vay cao trong khi lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh và doanh thu từ hoạt động tài chính không đủ để bù đắp.

Biến động kết quả kinh doanh như sau:

- Lợi nhuận gộp giảm 1 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2023 do không còn lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh lưu trú khách sạn.
- Lỗ hoạt động tài chính tăng 37 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2023. Nguyên nhân chủ yếu là lãi cho vay giảm mạnh, đồng thời; chi phí lãi vay vẫn còn cao mặc dù lãi suất vay và dư nợ vay giảm.
- Chi phí quản lý doanh nghiệp tăng 3 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2023 chủ yếu do tăng chi phí dịch vụ mua ngoài.

Trên đây là giải trình của Công ty về kết quả kinh doanh trên Báo cáo tài chính tổng hợp Quý I/2024.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT-KH&ĐT.

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG ANH GIA LAI
TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN XUÂN THẮNG

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

Trụ sở Chính: 15 Trường Chinh, Phường Phú Đồng, Tp. Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam
Tel: (+84) 0269 2225 888 Fax: (+84) 0269 2222 335 Email: info@hagl.com.vn



HAGL Group

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ
(Báo cáo tài chính của Công ty mẹ)

Quý I năm 2024

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

NỘI DUNG

	<i>Trang</i>
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ	
Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ	1 - 2
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ	3 - 4
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ	5 - 6
Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ	7 - 37

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Vào ngày 31 tháng 3 năm 2024

Ngàn VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 3 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		3.200.989.707	4.344.447.093
110	I. Tiền	4	5.080.000	7.946.716
111	1. Tiền		5.080.000	7.946.716
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		3.190.951.366	4.331.193.764
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	43.716.998	394.070.980
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	315.659.926	314.533.541
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	1.697.925.401	2.321.446.514
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	2.060.645.451	2.228.139.139
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(926.996.410)	(926.996.410)
140	III. Hàng tồn kho	9	1.411.462	1.691.169
141	1. Hàng tồn kho		3.753.037	4.032.744
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(2.341.575)	(2.341.575)
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		3.546.879	3.615.444
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		13.454	9.206
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		405.846	478.659
153	3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước		3.127.579	3.127.579
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		11.673.854.071	10.960.658.114
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		5.150.521	5.088.192
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	7	5.000.000	5.000.000
216	2. Phải thu dài hạn khác	8	150.521	88.192
220	II. Tài sản cố định		123.384.807	124.538.151
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	98.106.628	99.259.972
222	Nguyên giá		212.569.243	212.532.943
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(114.462.615)	(113.272.971)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	25.278.179	25.278.179
228	Nguyên giá		40.095.952	40.095.952
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(14.817.773)	(14.817.773)
230	III. Bất động sản đầu tư	12	35.714.857	36.187.721
231	1. Nguyên giá		47.003.809	47.003.809
232	2. Giá trị hao mòn lũy kế		(11.288.952)	(10.816.088)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		15.843.467	15.830.714
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		15.843.467	15.830.714
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn		11.492.955.993	10.778.343.222
251	1. Đầu tư vào công ty con	13.1	11.891.977.939	11.114.808.169
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết		5.000.000	5.000.000
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	13.2	916.380.007	1.048.791.081
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	13	(1.320.401.953)	(1.390.256.028)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		804.426	670.114
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	14	804.426	670.114
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		14.874.843.778	15.305.105.207

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 3 năm 2024

Ngàn VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 3 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		8.779.473.543	9.150.195.848
310	I. Nợ ngắn hạn		5.276.907.534	5.606.805.714
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15	63.807.022	65.908.241
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	16	10.441.946	10.422.524
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	29.293.036	45.234.678
314	4. Phải trả người lao động		5.740.172	6.495.862
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	18	3.396.208.536	3.261.233.031
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	19	442.063.665	468.472.891
320	7. Vay ngắn hạn	20	1.329.249.647	1.748.934.977
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		103.510	103.510
330	II. Nợ dài hạn		3.502.566.009	3.543.390.134
333	1. Chi phí phải trả dài hạn	18	285.971.454	326.824.519
337	2. Phải trả dài hạn khác	19	7.666.626	7.666.626
338	3. Vay dài hạn	20	3.198.694.570	3.199.130.581
341	4. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		4.868.525	4.403.574
342	5. Dự phòng phải trả dài hạn		5.364.834	5.364.834
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		6.095.370.235	6.154.909.359
410	I. Vốn chủ sở hữu	21.1	6.095.370.235	6.154.909.359
411	1. Vốn cổ phần		9.274.679.470	9.274.679.470
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		9.274.679.470	9.274.679.470
415	2. Cổ phiếu quỹ		(686.640)	(686.640)
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		279.895.303	279.895.303
421	4. Lỗ lũy kế sau thuế chưa phân phối		(3.458.517.898)	(3.398.978.774)
421a	- Lỗ lũy kế sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		(3.399.362.774)	(3.540.018.551)
421b	- (Lỗ) lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		(59.155.124)	141.039.777
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		14.874.843.778	15.305.105.207

Phạm Thị Thu Hà
Người lập

Lê Trương Y Trâm
Kế toán trưởng



Nguyễn Xuân Thắng
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 4 năm 2024

